TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/DS – PT
Ngày: 12-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh **Lê Hồng T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Cư trú: Số 95/5A, ấp T, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị **Đinh Ngô Mỹ Liên**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L: Bà Lôi Thị D, sinh năm 1959, theo văn bản ủy quyền ngày 29/01/2018 (Có văn bản xin vắng mặt)

Cư trú: Số 259/10A Phạm H, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1968 (có mặt)

Cùng cư trú: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị Hồng T, ông Nguyễn Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày:

Anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Hồng T làm đầu thảo, các dây hụi cụ thể như sau:

1/ Dây 01: Hụi 2.000.000đ khui ngày 10/8/2014 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 31 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 10/01/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 02 phần hụi mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 114.400.000đ (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L.

2/ Dây 02: Hụi 2.000.000đ khui ngày 10/8/2014 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 31 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 10/01/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 02 phần hụi mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 114.400.000đ (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L.

3/ Dây 03: Hụi 2.000.000đ khui ngày 25/9/2014 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 26 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 25/10/2016 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 02 phần hụi mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 94.400.000đ (Chín mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L

4/ Dây 04: Hụi 2.000.000đ khui ngày 30/2/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 26 phần, anh T và chị L chơi 01 phần, phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 29/3/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho phần hụi này là 800.000đ thì còn lại số tiền là 49.200.000đ (Bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L.

5/ Dây 05: Hụi 2.000.000đ khui ngày 20/5/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 26 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 20/6/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 02 phần hụi mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 94.400.000đ (Chín mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) bà Tươi không giao hụi cho anh T và chị L

6/ Dây 06: Hụi 2.000.000đ khui ngày 20/5/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 27 phần, anh T và chị L chơi 01 phần, phần hụi này anh , chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 20/6/2017 sau al (năm nhuận) hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho phần hụi này là 800.000đ thì còn lại số tiền là 51.200.000đ (Năm mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L.

7/ Dây 07: Hụi 2.000.000đ khui ngày 20/5/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 28 phần, anh T và chị L chơi 01 phần, phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi đầy đủ cho bà T. Đến ngày 20/7/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho phần hụi này là 800.000đ thì còn lại số tiền là 53.200.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L

8/ Dây 08: Hụi 2.000.000đ khui ngày 15/11/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 27 phần, anh T và chị L chơi 05 phần, 05 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi cho bà T đủ 22 lần, còn lại 05 phần là của anh T, chị L. Đến ngày 15/12/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 05 phần hụi này mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 216.000.000đ (Hai trăm mười sáu triệu đồng) bà T, ông V không giao hụi cho anh T và chị L

9/ Dây 09: Hụi 2.000.000đ khui ngày 15/11/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 25 phần, anh T và chị Liên chơi 05 phần, 05 phần hụi này anh T,

chị L đã đóng hụi cho bà Tươi đủ 20 lần, còn lại 05 phần là của anh T, chị L. Đến ngày 15/10/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 05 phần hụi này mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 196.000.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu đồng) bà T không giao hụi cho anh T và chị L.

10/ Dây 10: Hụi 2.000.000đ khui ngày 15/11/2015 (âm lịch), 01 tháng khui một lần, hụi có 24 phần, anh T và chị L chơi 05 phần, 05 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi cho bà T đủ 19 lần, còn lại 05 phần là của anh T, chị L. Đến ngày 15/9/2017 al hụi mãn, anh T và chị L hốt hụi chót, sau khi đã trừ tiền đầu thảo cho 05 phần hụi này mỗi phần là 800.000đ thì còn lại số tiền là 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) bà Tươi không giao hụi cho anh T và chị L

Hụi mùa:

1/ Dây 01: Hụi mùa 5.000.000đ khui ngày 20/01/2014 (âm lịch), 04 tháng khui một lần, hụi có 16 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi cho bà T đến ngày 20/5/2017 al là 11 lần với số tiền 52.580.000đ (Năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

2/ Dây 02: Hụi mùa 5.000.000đ khui ngày 20/01/2014 (âm lịch), 04 tháng khui một lần, hụi có 17 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi cho bà T đến ngày 20/5/2017 al là 11 lần với số tiền 52.920.000đ (Năm mươi hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

3/ Dây 03: Hụi mùa 5.000.000đ khui ngày 30/9/2014 (âm lịch), 04 tháng khui một lần, hụi có 21 phần, anh T và chị L chơi 02 phần, 02 phần hụi này anh T, chị L đã đóng hụi cho bà Tươi đến ngày 30/9/2017 al là 09 lần với số tiền 39.050.000đ (Ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Cả 03 dây hụi mùa này đều chưa mãn nhưng do bà T không giao những dây hụi mà anh T, chị L đã chơi trước đó nên đến tháng 5/2017 al anh T, chị L ngừng không đóng hụi tiếp cho bà T nữa.

Bà T, ông V và anh T, chị L thống nhất số tiền anh T và chị L hốt hụi của 10 dây hụi tháng là 1.169.200.000đ (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng) trừ lại tiền hụi anh T, chị L phải đóng lại cho bà T là 284.550.000đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) thì còn lại số tiền bà T, ông V phải giao cho anh T, chị L là 884.650.000đ (tám trăm

tám mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng anh T, chị L chỉ yêu cầu bà T, ông V trả cho anh T, chị L số tiền như trong biên nhận là 822.000.000đ (tám trăm hai mươi hai triệu đồng).

Bà T, ông V và anh T, chị L thống nhất số tiền hụi gốc của ba dây hụi mùa anh T và chị L đã đóng hụi cho bà Tươi là 139.240.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh và chị L cùng gửi đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Anh T và chị L yêu cầu bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V liên đới trả cho anh T, chị L số tiền của 10 dây hụi tháng là 822.000.000đ và số tiền hụi gốc đã đóng cho 03 dây hụi mùa là 139.240.000đ, tổng cộng 961.240.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V đồng ý trả cho anh T, chị L số tiền 822.000.000đ (Tám trăm hai mươi hai triệu đồng) theo như biên nhận và đồng ý trả cho anh T, chị L số tiền hụi gốc đã đóng cho 03 dây hụi mùa là 139.240.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng xin trả dần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L , tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L

Buộc bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V liên đới trách nhiệm trả cho anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L số tiền hụi tháng là 822.000.000đ và 139.240.000đ tiền hụi mùa, tổng cộng: 961.240.000đ (Chín trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần số tiền 961.240.000đ của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26/4/2018 bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V kháng cáo yêu cầu cho vợ chồng ông trả dần số tiền 961.240.000 đồng cho nguyên đơn mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử sơ thẩm ngày 16/4/2018 đến ngày 26/4/2018 bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo gởi đến Tòa án sơ thẩm nên kháng cáo của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V trong hạn luật định và có đóng tiền tạm ứng án phí đầy đủ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V xin trả dần số tiền 961.240.000 đồng cho nguyên đơn mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy

quyền nguyên đơn không chấp nhận. Do đó, bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V yêu cầu xin trả dần số tiền nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc bà T và ông V xin giảm một phần án phí án theo quy định của pháp luật vì hoàn cảnh gia đình ông, bà gặp nhiều khó khăn về kinh tế là không có cơ sở chấp nhận. Vì bà T và ông V không thuộc trường hợp miễn, giảm tiền án phí theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L

Buộc bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V liên đới trách nhiệm trả cho anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L số tiền hụi tháng là 822.000.000đ và 139.240.000đ tiền hụi mùa, tổng cộng: 961.240.000đ (Chín trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2 .Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Lê Hồng T và chị Đinh Ngô Mỹ L số tiền 22.980.000đ (Hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0001190 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Buộc bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.837.000đ (Bốn mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001500 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà Lê Thị Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001499 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L . Ông Nguyễn Văn Vạn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND CC;*
- *CA TANDTVL;*
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự; (theo địa chỉ);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngừng